

Bản án số: 15/2021/HS-ST
Ngày 13 - 4 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Mỹ Lệ và bà Tạ Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hải Biên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2021/TLST – HS ngày 03 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Thành Q (tên gọi khác là Đ Đ), sinh năm 1996 tại thành phố T, tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thành Đ và bà Nguyễn Thị C; Tiền sự không;

Tiền án: Tại bản án số 47/2015/HSST ngày 26/11/2015 bị TAND huyện P, tỉnh Phú Yên xử phạt 01 năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ”. Tại bản án số 06/2016/HSST ngày 28/4/2016, bị TAND huyện P, tỉnh Phú Yên xử phạt 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt 01 năm tù tại bản án số 47/HSST ngày 26/11/2015 buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 02 năm tù. Ngày 07/8/2017, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, chưa thi hành án phí.

Tại bản án số 03/2018/HSST ngày 13/3/2018, bị TAND huyện Đ, tỉnh Phú Yên xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 30/5/2020, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, chưa thi hành án phí.

Nhân thân xấu: Tại bản án số 13/2013/HSST ngày 01/8/2013 bị TAND huyện S, tỉnh Phú Yên xử phạt 09 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Tại bản án số 04/2021/HSST ngày 22/01/2021 bị TAND huyện T, tỉnh Phú Yên xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và ngày 20/10/2020, bị Cơ quan CSĐT Công an

huyện P, tỉnh Phú Yên khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 BLHS.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 01/9/2020, chuyển sang tạm giam ngày 10/9/2020 và tạm giam liên tục cho đến nay, hiện bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1991. Có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố s, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố s, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

+ Anh Châu Văn V, sinh năm 1998. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 9h ngày 29/8/2020, Lê Thành Q đi xe khách từ huyện P, tỉnh Phú Yên đến thị trấn phú túc, huyện K, tỉnh Gia Lai chơi game và lên mạng xã hội Facebook tại tiệm internet Ngọc S của anh Nguyễn Ngọc S thuộc Tổ dân phố s, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Khoảng 18 giờ cùng ngày, sau khi chơi game xong, Lê Thành Q về thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh- trắng, biển kiểm soát: 47M1-375.37 của anh Nguyễn Đức L, sinh năm: 1991, trú tại Tổ dân phố S, thị trấn p, huyện K, Gia Lai đang để ở hiên nhà ngay bên cạnh quán Internet, chìa khóa còn cắm trên ổ khóa xe, không có người trông coi nên Q nảy sinh ý định trộm cắp. Q tiến hành lại gần xe mô tô, quay đầu xe ra đường, ngồi lên xe, bật chìa khóa, nổ máy thì anh L phát hiện từ trong nhà chạy ra, truy hô nhưng Q đã điều khiển xe mô tô bỏ chạy theo Quốc lộ 25 chạy thoát về nhà thuộc Thôn Á, xã H, huyện P, tỉnh Phú yên.

Đến sáng ngày 30/8/2020, để tránh phát hiện, Q đem xe mô tô trộm cắp được đến tiệm sửa xe máy của anh Châu Văn V, sinh năm: 1998, trú tại Thôn Đô, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên mượn dụng cụ tháo hai cánh yếm hai bên của xe ra, để lại tiệm của anh V rồi điều khiển xe đi ra cầu Hùng V thành Phố T, tỉnh Phú Yên tháo biển số của xe trên ném xuống biển. Chiều ngày 31/8/2020, Q điều khiển xe trộm cắp được đến khu vực bến xe thành phố T bán lại cho một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch tại thành phố T, tỉnh Phú Yên với giá 2.000.000 đồng. Số tiền trên Q đã tiêu xài hết. Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã tiến hành xác minh, truy tìm nhưng vẫn chưa xác định được người đàn ông đã tiêu thụ xe mô tô như Lê Thành Q miêu tả.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐĐG ngày 04/9/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện K xác định Xe mô tô BKS: 47M1-375.37 bị chiếm đoạt có giá 12.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐG ngày 30/3/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện K xác định 02 cánh bửng của hai bên xe mô tô BKS: 47M1- 375.37 bị chiếm đoạt có giá 200.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về các kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Lê Thành Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Thành Q phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX):

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS: xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù của bản án số 04/2021/HSST ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

Về vật chứng 02 (Hai) cánh bửng của hai bên xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 135cc, màu trắng - xanh trả cho chủ sở hữu anh L, buộc bị cáo phải bồi thường cho anh L 11.800.000 đồng.

Ngoài ra còn buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định về hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 18 giờ 00 ngày 29/8/2020, bị cáo Lê Thành Q đã có hành vi lén lút, bí mật trộm lấy xe mô tô BKS 47M1-375.37 của anh Nguyễn Đức L, gây thiệt hại cho anh L trị giá là 12.000.000 đồng, nhằm chiếm đoạt tài sản với động cơ, mục đích tư lợi cá nhân bán lấy tiền tiêu xài, đã xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân. Hành vi phạm tội của các bị cáo rõ ràng là có lỗi và sai trái với đường lối, chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước ta, nay phải chịu trách nhiệm hình sự và hậu quả pháp lý đã gây ra là có căn cứ pháp lý.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của bị hại và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Q đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo về hành vi theo tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: bị cáo Q đã nhiều lần bị kết án (có 03 tiền án), chưa được xóa án tích, tính đến lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” nên bị xét xử ở điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS là phù hợp.

[4] Về tính chất, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Bị cáo Q là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi nguy hiểm và gây hậu quả xấu cho xã hội làm mất an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Nay cần xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để cá thể hóa hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo là điều cần thiết.

Bị cáo Q có 03 tiền án (trong đó có 02 tiền án về tội xâm phạm sở hữu), lần phạm tội liền trước đã thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo tình tiết định khung tại điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS. Ngoài ra bị cáo có nhân thân xấu là Tại bản án số 13/2013/HSST ngày 01/8/2013 bị TAND huyện S, tỉnh Phú Yên xử phạt 09 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Tại bản án số 04/2021/HSST ngày 22/01/2021 bị TAND huyện T, tỉnh Phú Yên xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và ngày 20/10/2020, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện P, tỉnh Phú Yên khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 BLHS.

Trong vụ án này thì bị cáo một mình trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên phải chịu toàn bộ trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Nhưng trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thì bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS được áp dụng cho bị cáo.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát thì HĐXX thấy bị cáo Q có nhân thân xấu, có 03 tiền án nhưng không lấy đó làm bài học để sửa đổi, cải tạo trở thành người công dân tốt và còn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên thấy cần thiết phải xử phạt bị cáo hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để nhằm mục đích trừng trị nhưng cũng giúp cho bị cáo cơ hội sửa chữa lỗi lầm, cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời qua đó răn đe và phòng ngừa loại tội phạm này tái diễn trên địa bàn. Nên cần chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo Q đã bị TAND huyện T, tỉnh Phú Yên xử phạt 03 (ba) năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 04/2021/HSST ngày 22/01/2021. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của BLHS cần tổng hợp hình phạt đối với bản án nói trên để buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung.

[6] Về vấn đề liên quan khác:

Việc bị cáo Q điều khiển xe trộm cắp được đến khu vực bến xe thành phố T bán lại cho một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch tại thành phố T, Phú Yên với giá 2.000.000 đồng. Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã tiến hành xác minh, truy tìm nhưng vẫn chưa xác định được người đàn ông đã tiêu thụ xe mô tô như bị cáo Q miêu tả. Nếu sau này truy tìm được sẽ được xử lý sau. Nay HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với biển kiểm soát xe mô tô BKS 47M1-375.37 mà bị cáo đã tháo ra ném tại cầu H thành phố T thì Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy. Nay HĐXX không đề cập đến.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường cho bị hại xe mô tô mà bị cáo Q chiếm đoạt có trị giá 12.000.000 đồng theo kết quả định giá là có căn cứ. Nhưng quá trình điều tra đã thu giữ được 02 (Hai) cánh bửng của hai bên xe mô tô này trị giá 200.000 đồng, nay bị hại đồng ý nhận lại 02 cánh bửng này và yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường là 11.800.000 đồng. Do đó cần buộc bị cáo Q phải bồi thường cho bị hại toàn bộ thiệt hại còn lại là 11.800.000 đồng.

[8] Về vật chứng của vụ án:

02 (Hai) cánh bửng của hai bên xe mô tô nhãn hiệu yamaha Exciter 135cc, màu trắng- xanh thuộc sở hữu của bị hại anh L, tại phiên tòa anh L có yêu cầu nhận lại nên cần tuyên trả lại cho anh L là phù hợp.

Đặc điểm chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/02/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

[9] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo Q không có nghề nghiệp gì. Bản thân không có tài sản riêng gì cho nên HĐXX quyết định không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Thành Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của BLHS:

Xử phạt bị cáo Lê Thành Q 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 01/9/2020.

Tổng hợp hình phạt 03 (Ba) năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 04/2021/HSST ngày 22/01/2021, của TAND huyện T, tỉnh Phú Yên. Buộc bị cáo Lê Thành Q phải chấp hành hình phạt tù chung là 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giữ là ngày 01/9/2020.

2. Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự,

Buộc bị cáo Lê Thành Q phải bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Đức L toàn bộ thiệt hại với tổng số tiền là 11.800.000 đồng (Mười một triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Căn cứ Điều 47 của BLHS; khoản 1 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Trả lại 02 (Hai) cánh bửng của hai bên xe mô tô nhãn hiệu yamaha Exciter 135cc, màu trắng- xanh cho anh Nguyễn Đức L.

Đặc điểm chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/02/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

4. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Lê Thành Q phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 590.000 đồng (*Năm trăm chín mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/4/2021) để yêu cầu Tòa án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND h. Krông Pa (02 bản);
- Công an h. Krông Pa (03 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Bị hại, (01 bản);
- Chi cục THADS h. Krông Pa (01 bản);
- Lưu HS vụ án, THA hình sự (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toàn